

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST

Ngày 16/7/2021

(V/v: Tranh chấp về thay đổi người
trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn)

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐƯỜNG, TỈNH LAI CHÂU

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Trung Phước

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tẩn A Nao; Ông Phan Văn Sân.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Cao Thị Hóa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường tham gia phiên tòa: Bà:
Bùi Thị Tính- Kiểm sát viên

Ngày 16/7/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 33/2021/TLST - HNGĐ, ngày 01 tháng 3 năm 2021, về việc: Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Bản H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu (có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Phú T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Bản H, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu (vắng mặt không rõ lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 01/3/2021, bản tự khai, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày: Chị T và anh Nguyễn Phú T trước đây từng là vợ chồng, tuy nhiên anh chị đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 14/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu. Quyết định cụ thể như sau: Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Phú T đều thuận tình ly hôn. Việc nuôi con: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Phú T thỏa thuận: Anh Nguyễn Phú T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Thảo N, sinh ngày 28/9/2012 và Nguyễn Phú Đ, sinh ngày 04/01/2019 cho đến khi các con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị Trần Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Trần Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà

không ai được cản trở. Ngoài ra Quyết định còn ghi nhận phần tài sản chung và án phí dân sự sơ thẩm.

Tuy nhiên từ thời điểm ly hôn tháng 01/2021 đến nay hai con chung Nguyễn Thảo N và Nguyễn Phú Đ vẫn ở với chị, thỉnh thoảng anh T mới đón các con. Anh T giao hoàn toàn việc chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung cho chị.

Xét về các điều kiện hiện nay chị có thể đảm bảo cuộc sống cho con tốt hơn, hiện nay anh T không thể chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung, nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, theo đó cho chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung là Nguyễn Thảo N, Nguyễn Phú Đ, đến khi các con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị có công việc chính là bán hàng tạp hóa, văn phòng phẩm, thu nhập khoảng 7.000.000 (Bảy triệu) đồng/tháng. Tuy nhiên chị buôn bán tự do nên không có bảng lương nộp cho Tòa án, hiện tại chị chưa lập gia đình mới. Ngoài ra chị T còn trình bày hiện nay anh T không có nhà riêng, anh T có công việc là thợ cơ khí nhưng chị không biết anh T có thu nhập là bao nhiêu.

Ngày 02/4/2021 chị Trần Thị T nộp cho Tòa án 01 sổ chứng minh tài khoản Ngân hàng mang tên khách hàng Trần Thị T trong đó thể hiện số dư tài khoản thời điểm cao nhất là 704.000.954 đồng tại chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện T, tỉnh Lai Châu. Tại phiên tòa chị Trần Thị T xuất trình 01 Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bên tặng cho là Trần Thị H, bên nhận tặng cho là Trần Thị T diện tích 150m² đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 107295 số vào sổ cấp GCN: CH01029, cấp ngày 10/3/2014 nơi cấp UBND huyện T tại Thửa đất số 385, tờ bản đồ số 55, địa chỉ đất thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị 100 m², đất trồng cây lâu năm khác 50 m² và cung cấp cho Tòa án 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 107295 số vào sổ cấp GCN: CH01029, cấp ngày 10/3/2014 mang tên ông Mào Văn M, bà Trần Thị H, tại trang 4 (phần IV Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận) thể hiện ngày 8/7/2021 đã tặng cho bà Trần Thị T.

Đối với bị đơn Nguyễn Phú T: Quá trình giải quyết vụ án từ thời điểm vụ án được thụ lý đến thời điểm xét xử, bị đơn Nguyễn Phú T mặc dù được tổng đạt các văn bản tố tụng như Giấy triệu tập bị đơn, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải một cách đầy đủ và hợp lệ, tuy nhiên anh T không có mặt tại Tòa án để cung cấp lời khai và tham gia tố tụng, không thực hiện nghĩa vụ của bị đơn theo đúng quy định của pháp luật cụ thể: Giấy triệu số 20/2021/GTT-BĐ ngày 19/3/2021 ấn định thời gian làm việc vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 02/4/2021 sau khi ban hành Giấy triệu tập số 20/2021/GTT-BĐ Tòa án đã tổng đạt qua đường bưu điện, bị đơn Nguyễn Phú T nhận Giấy triệu tập, tuy nhiên đến thời điểm Tòa án làm việc, bị đơn Nguyễn Phú T vắng mặt mà không rõ lý do, Tòa án đã lập biên bản về việc vắng mặt của bị đơn.

Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 84/TB-TA ngày 04/5/2021 ấn định thời gian mở phiên họp vào hồi 08 giờ 00

phút ngày 20/5/2021 sau khi ban hành Thông báo số 84/TB-TA ngày 04/5/2021 Tòa án đã tổng đạt qua đường bưu điện, bị đơn Nguyễn Phú T nhận thông báo. Tuy nhiên đến thời điểm Tòa án mở phiên họp, bị đơn Nguyễn Phú T vắng mặt tại phiên họp mà không rõ lý do, Tòa án đã lập biên bản về việc vắng mặt của bị đơn và ban hành Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tổng đạt trực tiếp, bị đơn nhận trực tiếp văn bản trên. Bị đơn sau khi được Tòa án triệu tập họp lệ hai lần nhưng cố tình vắng mặt, Tòa án tiến hành lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được do vắng mặt bị đơn.

Lời khai của con chung: Biên bản ghi lời khai ngày 02/3/2021 con chung của chị Trần Thị T, anh Nguyễn Phú T là Nguyễn Thảo N khai từ thời điểm bố mẹ ly hôn, cháu ở với mẹ, bố là Nguyễn Phú T ở riêng không quan tâm chăm sóc cháu, thỉnh thoảng bố đến đón em trai là Nguyễn Phú Đ đi chơi, hiện nay cháu có nguyện vọng ở với mẹ.

Biên bản xác minh ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu thể hiện: Anh Nguyễn Phú T không thường xuyên sống tại bản H, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu, thỉnh thoảng anh có về bản H sinh sống. Anh Nguyễn Phú T không có nhà riêng. Hiện nay anh Nguyễn Phú T không có nghề nghiệp gì nên gần như anh T không có nguồn thu nhập. Anh Nguyễn Phú T không đưa hai cháu Nguyễn Thảo N và Nguyễn Phú Đ về bản H, xã B sống mà thường xuyên để hai con cho chị Trần Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu chị Trần Thị T đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung, UBND xã B đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giao cho chị Trần Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung là Nguyễn Thảo N và Nguyễn Phú Đ cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động để đảm bảo quyền lợi cho các con chung.

Biên bản xác minh ngày 02 tháng 4 năm 2021 tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu thể hiện: Chị Trần Thị T có thường xuyên sống tại bản H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Chị Trần Thị T không có nhà riêng. Hiện nay chị Trần Thị T có nghề nghiệp là bán hàng tuy nhiên không rõ mức thu nhập bao nhiêu. Chị Trần Thị T thường xuyên quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng hai con là cháu Nguyễn Thảo N và Nguyễn Phú Đ. Đối với yêu cầu của chị Trần Thị T chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung Nguyễn Thảo N và Nguyễn Phú Đ cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giao con chung cho bố hoặc mẹ, đảm bảo quyền lợi cho các con chung.

Nhận thấy không thể tiến hành hòa giải cho các bên do bị đơn không phối hợp tham gia tố tụng, ngày 14/6/2021 Tòa án nhân dân huyện T ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử, ấn định thời gian mở phiên tòa vào hồi 10 giờ 00 phút ngày 29/6/2021, tổng đạt họp lệ cho bị đơn vào ngày 16/6/2021, nhưng đến 10 giờ 30 phút ngày 29/6/2021 (quá thời điểm mở phiên tòa ghi trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử), bị đơn Nguyễn Phú T vắng mặt không rõ lý do, không có đơn xin vắng mặt, qua thảo luận HĐXX căn cứ vào

khoản 1 Điều 227/Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định hoãn phiên tòa trong thời hạn không quá 30 ngày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi vụ án được đưa ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, chính xác trình tự thủ tục tố tụng, nguyên đơn, đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cũng như các văn bản pháp lý liên quan. Tuy nhiên bị đơn không hợp tác làm việc và TAND huyện T đã lập biên bản đầy đủ để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84/Luật hôn nhân và gia đình; Áp dụng khoản 3 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228/Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, chị Trần Thị T có quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung là Nguyễn Thảo N và Nguyễn Phú Đ cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị Trần Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Phú T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết. Anh Nguyễn Phú T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, tuy nhiên anh T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện ý kiến của đương sự Hội đồng xét xử có cơ sở nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án là tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại bản H, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39/Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu.

Tại thời điểm mở phiên tòa, bị đơn không có yêu cầu phản tố, vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai không rõ lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228/Bộ luật Tố tụng dân sự HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn của nguyên đơn và điều kiện cần thiết cho việc nuôi con chưa thành niên: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Phú T có quan hệ là vợ chồng, tuy nhiên anh chị đã ly hôn theo Quyết định số 14/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu. Theo Quyết định này thì chị Trần Thị T và anh Nguyễn Phú T thỏa thuận: Anh Nguyễn Phú T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Thảo N sinh ngày 28/9/2012 và Nguyễn Phú Đ, sinh ngày 04/01/2019 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị Trần Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Trần Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Tuy nhiên sau khi Quyết định số 14/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07/01/2021 có hiệu lực pháp luật, mặc dù được giao chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung nhưng bị đơn Nguyễn Phú T không trực tiếp thực hiện việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà thường xuyên giao các con chung cho nguyên đơn Trần Thị T nuôi dưỡng, đã vi phạm các Điều 69, Điều 70, Điều 71, Điều 72/Luật hôn nhân và gia đình.

Xét về điều kiện kinh tế để chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên sau ly hôn nhận thấy nguyên đơn Trần Thị T chứng minh được nguồn thu nhập thông qua việc bán hàng, có sổ dư trong tài khoản ngân hàng. Tại phiên tòa, chị T xuất trình được Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng của bản thân. Việc được tặng cho đất ở có thể khẳng định đây là tài sản có giá trị lớn, chứng minh được nguyên đơn Trần Thị T có nơi ở ổn định trong tương lai. Bên cạnh đó chị T có thu nhập từ việc buôn bán, đó là những điều kiện rất cần thiết cho việc nuôi con chưa thành niên, đảm bảo cuộc sống và điều kiện phát triển tốt hơn cho trẻ chưa thành niên. Bị đơn Nguyễn Phú T mặc dù có nghề cơ khí nhưng không phối hợp với Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án để chứng minh thu nhập đảm bảo cho việc nuôi con.

Qua ghi lời khai con chung Nguyễn Thảo N thì cháu Nhi có nguyện vọng được mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, con chung Nguyễn Phú Đ tại thời điểm giải quyết vụ án là trẻ chưa đủ 36 tháng tuổi. Nay chị Trần Thị T có nguyện vọng thay đổi để chị T được trực tiếp nuôi các con chung Nguyễn Thảo N và Nguyễn Phú Đ. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của chị Trần Thị T phù hợp với điều kiện thực tế của nguyên đơn và bị đơn, phù hợp với nguyện vọng của con chung Nguyễn Thảo N, phù hợp với ý kiến của đại diện chính quyền địa phương và phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81, Điều 84/Luật Hôn nhân và gia đình cũng như ý kiến của Đại viện Viện kiểm sát tại phiên tòa, nên có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn Trần Thị T không yêu cầu bị đơn Nguyễn Phú T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về quyền của người không trực tiếp nuôi con sau khi thay đổi quyền nuôi con: Bị đơn Nguyễn Phú T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc này để gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo khoản 3 Điều 82/Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84/Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273/Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị T.
2. Giao các con chung Nguyễn Thảo N, sinh ngày 28/9/2012, Nguyễn Phú Đ, sinh ngày 04/01/2019 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi

các con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, anh Nguyễn Phú T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Phú T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Tuy nhiên không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Phú T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại chị Trần Thị T 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2016/0000321 ngày 01 tháng 3 năm 2021 của chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Lai Châu.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được thông báo, niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh.
- VKSND huyện T.
- CCTHADS huyện T.
- Người TGTT.
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Đoàn Trung Phước